TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **2574**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14/12/2023.
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trịnh Minh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Phẩm Dũng Phát

Ông Phạm Văn Hễ

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Viết Nhiên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 14/12/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân dân Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 238/2023/TLST-HNGĐ ngày 12/10/2023 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5554/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Bạch Thị Thủy T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số 29 đường THĐ, Khu phố 2, phường TĐ, thành phố TĐ, Thành phố H.

- *Bị đơn*: Ông Nguyen Duy K, sinh năm 1983.

Địa chỉ: 2501 NW 21st lot 183 Boynton Beach, FL 33436, USA. (Hoa Kỳ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, bà Bạch Thị Thủy T trình bày:

Bà Bạch Thị Thủy T và ông Nguyen Duy K kết hôn năm 2018 theo giấy chứng nhận kết hôn số 72/2018 ngày 12/11/2018 do Ủy ban nhân dân Quận Y, Thành phố H cấp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn, sau đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do khoảng cách về địa lý, ông Nguyen Duy K sinh sống tại nước Hoa Kỳ, bà Bạch Thị Thủy T sinh sống tại Việt Nam, vợ chồng không thể quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thể chia sẻ cùng nhau, vợ chồng đã tìm mọi cách để hàn gắn tình cảm nhưng không thể đoàn tụ, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không đem lại hạnh phúc, không còn khả năng hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được, bà Bạch Thị Thủy T yêu cầu ly hôn ông Nguyen Duy K.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Văn bản trình bày ý kiến đã được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 06/11/2023, ông Nguyen Duy K trình bày:

Ông Nguyen Duy K đồng ý thống nhất trình bày của bà Bạch Thị Thủy T về việc đăng ký kết hôn, mâu thuẫn giữa vợ chồng, con chung, tài sản chung, nợ chung.

Bà Bạch Thị Thủy T khởi kiện yêu cầu ly hôn, ông Nguyen Duy K có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyen Duy K đồng ý ly hôn bà Bạch Thị Thủy T.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông Nguyen Duy K đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông Nguyen Duy K đồng ý.

Bà Bạch Thị Thủy T và ông Nguyen Duy K yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố H giải quyết, xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Bạch Thị Thủy T yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông Nguyen Duy K, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về "Ly hôn theo yêu cầu của một bên" theo quy định tại Khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thuộc trường hợp "Ly hôn" theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Nguyen Duy K đang cư trú tại nước USA (Hoa Kỳ), bà Bạch Thị Thủy T cư trú tại thành phố TĐ, Thành phố H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân Thành phố H theo quy định tại Điều 35, Điều 37, Điều 38, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét sự vắng mặt của nguyên đơn bà Bạch Thị Thủy T, bị đơn ông Nguyen Duy K tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Bạch Thị Thủy T và bị đơn ông Nguyen Duy K có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt bà Bạch Thị Thủy T và ông Nguyen Duy K theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bạch Thị Thủy T đối với bị đơn ông Nguyen Duy K, xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 72/2018 ngày 12/11/2018 do Ủy ban nhân dân Quận Y, Thành phố H cấp cho bà Bạch Thị Thủy T

và ông Nguyen Duy K; có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Bạch Thị Thủy T và ông Nguyen Duy K là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Bạch Thị Thủy T yêu cầu ly hôn ông Nguyen Duy K với lý do sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn, sau đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do khoảng cách về địa lý, ông Nguyen Duy K sinh sống tại nước Hoa Kỳ, bà Bạch Thị Thủy T sinh sống tại Việt Nam, vợ chồng không thể quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thể chia sẻ cùng nhau, vợ chồng đã tìm mọi cách để hàn gắn tình cảm nhưng không thể đoàn tụ, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Đối với ông Nguyen Duy K cũng thừa nhận trình bày của bà Bạch Thị Thủy T là đúng và đồng ý ly hôn bà Bạch Thị Thủy T. Xét thấy, tình nghĩa vợ chồng giữa bà Bạch Thị Thủy T và ông Nguyen Duy K không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; điều kiện sống mỗi người mỗi nơi không có sự chia sẻ, thực hiện các công việc trong một gia đình; khả năng đoàn tụ không có nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bạch Thị Thủy T ly hôn ông Nguyen Duy K theo quy định tại Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà Bạch Thị Thủy T và ông Nguyen Duy K trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Bạch Thị Thủy T và ông Nguyen Duy K trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Bạch Thị Thủy T phải chịu theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Điều 91, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 273 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 121, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bạch Thị Thủy T đối với bị đơn ông Nguyen Duy K:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Bạch Thị Thủy T ly hôn ông Nguyen Duy K.

Giấy chứng nhận kết hôn số 72/2018 ngày 12/11/2018 do Ủy ban nhân dân Quận Y, Thành phố H cấp cho bà Bạch Thị Thủy T và ông Nguyen Duy K không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. *Về con chung:* Không xem xét, giải quyết.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Không xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Bà Bạch Thị Thủy T phải chịu là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002434 ngày 05/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H.

5. *Về quyền kháng cáo Bản án:*

Bà Bạch Thị Thủy T vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyen Duy K cư trú ở nước ngoài, vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND cấp cao tại TP.H;
- VKSND TP.H;
- Cục THADS TP.H;
- UBND TP TĐ, TP.H;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)
Phan Trịnh Minh Đức